

Số: /KH-UBND

Quảng Nam, ngày tháng 02 năm 2025

## KẾ HOẠCH

### Triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2025

Để tiếp tục triển khai thực hiện tốt Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 13/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi điểm b, khoản 1, Mục IV, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình của các Bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (sau đây viết tắt là UBND tỉnh) ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2025 (sau đây viết tắt là Chương trình) với các nội dung như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

a) Thực hiện kịp thời, đồng bộ và có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn tỉnh trong năm 2025 gắn với thực hiện tốt các Chương trình MTQG, chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác, đảm bảo đạt mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo đề ra tại Quyết định số 90/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/5/2021 của Tỉnh ủy và Kết luận số 584-KL/TU ngày 16/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU của Tỉnh ủy, Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của UBND tỉnh.

b) Trên cơ sở Kế hoạch này, các Sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện kịp thời, đồng bộ các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình, đạt mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo năm 2025 theo Nghị quyết số 06-NQ/TU của Tỉnh ủy, Kết luận số 584-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết số 59/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2025, Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày

25/10/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025.

## **2. Yêu cầu**

a) Đảm bảo kịp thời, đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung hỗ trợ của Chương trình theo đúng quy định của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương và quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là HĐND tỉnh).

b) Phải phù hợp với khả năng cân đối ngân sách tỉnh và địa phương (cấp huyện, cấp xã), khả năng tham gia của các đối tượng trong thực hiện Chương trình. Quá trình thực hiện phải đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch.

c) Tăng cường thực hiện lồng ghép nguồn lực từ các Chương trình MTQG và các chương trình, dự án, chính sách, hoạt động khác đang triển khai trên cùng một địa bàn để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về giảm nghèo bền vững.

d) Việc tổ chức thực hiện Chương trình phải gắn với thực hiện các phong trào, cuộc vận động về giảm nghèo bền vững, nhất là phong trào thi đua “Quảng Nam chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021 - 2025 ban hành tại Quyết định số 3043/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 và phong trào thi đua “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong năm 2025” theo Kế hoạch số 8094/KH-UBND ngày 21/10/2024 của UBND tỉnh.

đ) Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch và các hoạt động, dự án, chính sách về giảm nghèo.

## **II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

### **1. Phạm vi, đối tượng và thời gian thực hiện**

a) Phạm vi: Thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Đối tượng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo). Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo.

- Các huyện, thị xã, thành phố; trọng tâm là các huyện nghèo.

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

- Các tổ chức, cá nhân liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2025.

## 2. Mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện

a) Mục tiêu tổng quát: Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ huyện nghèo từng bước thoát khỏi tình trạng khó khăn.

b) Mục tiêu cụ thể: phấn đấu giảm tối thiểu 3.000 hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3%, tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 4-5% và đạt mục tiêu theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/5/2021 của Tỉnh ủy, Kết luận số 584-KL/TU ngày 16/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2025 (phấn đấu giảm 3.000 hộ nghèo). Đến cuối năm 2025, huyện Phước Sơn và huyện Bắc Trà My thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

## 3. Tổ chức thực hiện các dự án thành phần của Chương trình

**3.1. Dự án 1:** Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

a) *Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo*

- Đối tượng: 06 huyện nghèo được phê duyệt tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, gồm: Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Nam Trà My và Bắc Trà My.

- Nội dung hỗ trợ: đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng trên địa bàn các huyện nghèo, cụ thể:

(1) Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, thiết yếu trên địa bàn huyện nghèo (công trình đầu tư cấp huyện, liên xã), ưu tiên triển khai các công trình đầu tư mang tính đột phá, động lực phát triển kinh tế địa phương, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản nhằm thúc đẩy sản xuất và nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của người dân, gồm:

- + Các công trình giao thông, cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh, sản xuất;
- + Các công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia;
- + Các công trình y tế đạt chuẩn quốc gia;
- + Các công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân;
- + Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất;
- + Các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao;

+ Các loại công trình xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội khác do cộng đồng nghèo trên địa bàn huyện nghèo đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc dân tộc, văn hóa, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật, ưu tiên công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

Công trình đầu tư phải đảm bảo tính kết nối về giao thông, kinh tế, xã hội để hỗ trợ phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, dịch vụ, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản liên xã, giữa xã với huyện hoặc kết nối huyện với các khu vực trung tâm, vùng động lực phát triển.

Công trình đầu tư phải phục vụ trực tiếp cho sản xuất và dân sinh, đáp ứng nhu cầu của người dân hưởng lợi, ưu tiên các công trình có nhiều người hưởng lợi là người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, dân tộc thiểu số, phụ nữ.

\* Tổng vốn đầu tư phát triển dự kiến bố trí thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 1 trong năm 2025: **216.283,950 triệu đồng**, cụ thể như sau:

- Ngân sách trung ương: 188.073 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): 28.210,950 triệu đồng.

(2) Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn các huyện nghèo.

Dự kiến tổng vốn duy tu bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn các huyện nghèo trong năm 2025: **45.305,400 triệu đồng**, cụ thể như sau:

- Ngân sách trung ương: 39.396 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): 5.909,400 triệu đồng.

*b) Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.*

- Đối tượng: 02 huyện nghèo là huyện Phước Sơn và huyện Bắc Trà My đăng ký thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022.

- Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ đầu tư trọng tâm, trọng điểm và duy tu bảo dưỡng một số công trình giao thông liên xã trên địa bàn huyện nghèo phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lưu thông hàng hóa nhằm tạo sự đột phá, tạo động lực phát triển, tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 880/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Kinh phí: Nguồn vốn thực hiện Tiểu dự án 2 – Dự án 1 đã bố trí đủ trong giai đoạn 2023 - 2024. Chính vì vậy, năm 2025 không phân bổ nguồn kinh phí

thực hiện Tiểu dự án 2- Dự án 1, các địa phương sử dụng nguồn vốn năm 2023, 2024 được phép chuyển sang năm 2025 tiếp tục thực hiện để triển khai các nội dung còn lại của Tiểu dự án 2 - Dự án 1 trong năm 2025.

*c) Phân công thực hiện:*

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cơ quan chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Ủy ban nhân dân các huyện nghèo, huyện đăng ký thoát nghèo chỉ đạo phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan tham mưu chỉ đạo, tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

**3.2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

**a) Đối tượng hỗ trợ**

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi cả tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo;

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo triển khai trên địa bàn huyện nghèo; mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện;

- Tạo điều kiện thuận lợi để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

**b) Nội dung hỗ trợ**

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh;

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

c) Dự kiến tổng vốn sự nghiệp bố trí thực hiện Dự án 2 trong năm 2025: **87.555,250 triệu đồng**, cụ thể như sau:

- Ngân sách trung ương: 76.135 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): 11.420,250 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan tham mưu UBND huyện chỉ đạo, tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

### **3.3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**

*a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*

- Đối tượng hỗ trợ: Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo; Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi cả tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp giống cây trồng, giống vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định;

+ Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng;

+ Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

- Dự kiến tổng vốn sự nghiệp bố trí thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 3 trong năm 2025: **36.080,1 triệu đồng**, cụ thể như sau:

- + Ngân sách trung ương: 31.374 triệu đồng;
  - + Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): 4.706,1 triệu đồng.
- Phân công thực hiện:

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, Ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn.

*b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng*

- Đối tượng hỗ trợ: Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo; Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;

+ Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi);

+ Hỗ trợ nâng cao nhận thức và hành vi của các đối tượng thông qua việc tăng cường công tác thông tin, truyền thông, tư vấn về chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và cho con bú, trẻ em dưới 16 tuổi và người chăm sóc.

- Dự kiến tổng vốn sự nghiệp bố trí thực hiện Tiểu dự án 2 - Dự án 3 trong năm 2025: **14.732,650 triệu đồng**, cụ thể như sau:

+ Ngân sách trung ương: 12.811 triệu đồng;

+ Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): 1.921,650 triệu đồng.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cơ quan chức năng, đơn vị có liên quan của huyện chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

**3.4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

*a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn*

- Đối tượng hỗ trợ: Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp; các cơ sở GDNN công lập trên địa bàn tỉnh, các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có

liên quan; các Sở, Ban, ngành, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của Tiểu dự án.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn các huyện nghèo;

+ Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (gồm: tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các huyện nghèo;

+ Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn các huyện nghèo;

+ Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn các huyện nghèo;

+ Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

- Dự kiến tổng vốn bố trí thực hiện Tiểu dự án 1 – Dự án 4 trong năm 2025: **55.323,050 triệu đồng**, cụ thể như sau:

(1) Ngân sách trung ương: **48.190 triệu đồng**, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 13.863 triệu đồng;

- Vốn sự nghiệp: 34.327 triệu đồng.

(2) Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): **7.133,050 triệu đồng**, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 1.984 triệu đồng;

- Vốn sự nghiệp: 5.149,050 triệu đồng.

*b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*

- Đối tượng hỗ trợ:

+ Người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, cư trú trên địa bàn huyện nghèo; ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

+ Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;



+ Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động;

+ Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân tộc thiểu số, người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Dự kiến tổng vốn sự nghiệp bố trí thực hiện Tiểu dự án 2 - Dự án 4 trong năm 2025: **5.014 triệu đồng**, cụ thể như sau:

+ Ngân sách trung ương: 4.360 triệu đồng;

+ Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): 654 triệu đồng.

*c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*

- Đối tượng: Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; Người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo; các trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan; cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

- Nội dung hỗ trợ

+ Về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu;

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc;

+ Hỗ trợ giao dịch việc làm;

+ Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác;

+ Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động;

+ Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

- Dự kiến tổng vốn bố trí thực hiện Tiểu dự án 3 – Dự án 4 trong năm 2025: **10.938,350 triệu đồng**, cụ thể như sau:

(1) Ngân sách trung ương: **9.429 triệu đồng**, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 660 triệu đồng;
- Vốn sự nghiệp: 8.769 triệu đồng.

(2) Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): **1.509,350 triệu đồng**, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 194 triệu đồng;
- Vốn sự nghiệp: 1.315,350 triệu đồng;

d) *Phân công thực hiện:*

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Sở, Ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan, các cơ sở GDNN, Trung tâm Dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

**3.5. Dự án 5:** Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

a) *Đối tượng*

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025) trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn huyện nghèo và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm;

- Đối tượng thụ hưởng dự án không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và các chương trình, đề án, chính sách khác.

b) *Nội dung hỗ trợ:* Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m<sup>2</sup>, “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

c) *Kinh phí thực hiện:* Dự kiến tổng vốn sự nghiệp bố trí thực hiện Dự án 5 trong năm 2025: **106.553,250 triệu đồng**, cụ thể như sau:

- + Ngân sách trung ương: 92.655 triệu đồng;
- + Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): 13.898,250 triệu đồng.

d) *Phân công thực hiện*

- Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện theo đúng hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 về thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản có liên quan; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Kinh tế - hạ tầng chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

### **3.6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

#### *a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin*

- Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo; các huyện nghèo; khu vực biên giới; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông;

+ Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới;

+ Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

+ Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đồn biên phòng) để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội;

+ Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Dự kiến tổng vốn sự nghiệp bố trí thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 6 trong năm 2025: **11.176,850 triệu đồng**, cụ thể như sau:

+ Ngân sách trung ương: 9.719 triệu đồng;

+ Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): 1.457,850 triệu đồng.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở, Ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Văn hoá - Thông tin chủ trì, phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

#### *b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều*

- Đối tượng: Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện hoạt động truyền thông của dự án; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững;

+ Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo;

+ Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay, gương sáng trong công tác giảm nghèo bền vững;

+ Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo;

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới;

+ Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, địa phương, cơ sở;

+ Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

- Dự kiến tổng vốn sự nghiệp bố trí thực hiện Tiểu dự án 2 - Dự án 6 trong năm 2025: **4.228,550 triệu đồng**, cụ thể như sau:

+ Ngân sách trung ương: 3.677 triệu đồng;

+ Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): 551,550 triệu đồng.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp và các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hoá - Thông tin và các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

**3.7. Dự án 7:** Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Kế hoạch thực hiện Chương trình

*a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Kế hoạch*

- Đối tượng: Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung:

+ Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Kế hoạch, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn;

+ Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

- Dự kiến tổng vốn sự nghiệp bố trí thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 7 trong năm 2025: **12.556,735 triệu đồng**, cụ thể như sau:

+ Ngân sách trung ương: 10.919 triệu đồng;

+ Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): 1.637,835 triệu đồng.

*b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá*

- Đối tượng: Cơ quan chủ trì thực hiện Kế hoạch các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng khung kết quả thực hiện Kế hoạch, gồm: Khung đánh giá tiến độ triển khai thực hiện nhiệm vụ theo từng dự án, tiểu dự án của Chương trình; hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện;

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất;

+ Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp;

+ Cập nhật cơ sở dữ liệu vào phần mềm quản lý giảm nghèo ở các cấp.

- Dự kiến tổng vốn sự nghiệp bố trí thực hiện Tiểu dự án 2 - Dự án 7 trong năm 2025: **5.107,265 triệu đồng**, cụ thể như sau:

- + Ngân sách trung ương: 4.441 triệu đồng;
- + Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): 666,165 triệu đồng.

*c) Phân công thực hiện:*

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

### III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện kế hoạch năm 2025: **610.855,400 triệu đồng** (chưa bao gồm kinh phí thực hiện chương trình từ năm 2024 về trước được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển sang năm 2025 thực hiện theo Nghị quyết của Quốc hội), cụ thể như sau:

a) Ngân sách trung ương: **531.179 triệu đồng**, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 202.596 triệu đồng<sup>1</sup>;
- Dự kiến vốn sự nghiệp: 328.583 triệu đồng.

b) Ngân sách địa phương đối ứng (tỉnh, huyện, xã: bằng 15% so với ngân sách trung ương hỗ trợ): **79.676,400 triệu đồng**, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 30.388,950 triệu đồng;
- Vốn sự nghiệp: 49.287,450 triệu đồng.

*(Chi tiết nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương hỗ trợ, đối ứng ngân sách tỉnh năm 2025 tại Phụ lục đính kèm)*

2. Việc phân bổ kinh phí thực hiện kế hoạch đảm bảo theo đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh và các văn bản liên quan.

3. Các Sở, ngành, đơn vị liên quan của cấp tỉnh và các địa phương (cấp huyện, cấp xã) có giải pháp huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp khác để cùng với nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện Kế hoạch đảm bảo thực hiện đồng bộ, hiệu quả, đạt mục tiêu đề ra.

### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

<sup>1</sup> Theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025; UBND tỉnh phân bổ tại Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 06/12/2024.

**1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan chủ trì tham mưu Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh và UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này. Cụ thể:**

a) Thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của UBND tỉnh tại khoản 1, Điều 2 Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 và các văn bản chỉ đạo khác có liên quan của UBND và BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh.

b) Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan cấp tỉnh và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện tốt Kế hoạch này.

c) Đề xuất kế hoạch, phương án phân bổ, điều chỉnh vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình năm 2025, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện đảm bảo kịp thời, đúng quy định tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội và các quy định, hướng dẫn khác của trung ương.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan và địa phương tổ chức thực hiện các dự án: 1, 2, 4, 7 và Tiểu dự án 2 của Dự án 6 thuộc Chương trình.

đ) Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản (kế hoạch, công văn chỉ đạo) thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tiếp tục nâng cấp phần mềm trực tuyến quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đáp ứng yêu cầu quản lý điều hành thực hiện công tác giảm nghèo bền vững; xây dựng phần mềm trực tuyến điều tra xác định hộ có mức sống trung bình, phần mềm trực tuyến quản lý và chi trả chính sách cho người có công và bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo theo Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

e) Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình năm 2025 theo đúng Thông tư số 10/2022/TT-BLĐT BXH ngày 31/5/2022; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

**2. Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan tổng hợp Chương trình)**

a) Thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của UBND tỉnh tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 và các văn bản chỉ đạo khác có liên quan của UBND và BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh.

b) Chủ trì tổng hợp, thẩm định, tham mưu UBND tỉnh phương án phân bổ, điều chỉnh vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn quy định tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh, Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội và các quy định, hướng dẫn khác của trung ương để thực hiện Chương trình.

c) Hướng dẫn các Sở, ngành liên quan tỉnh và các địa phương trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; thực hiện kiểm tra, báo cáo đánh giá

Chương trình theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

**3. Sở Tài chính:** Thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại khoản 3 Điều 2 Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 và các văn bản chỉ đạo khác có liên quan của UBND và BCD các Chương trình MTQG tỉnh; tổng hợp tham mưu UBND tỉnh phương án phân bổ, điều chỉnh vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình trên cơ sở đề xuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**4. Các Sở, Ban, ngành chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Kế hoạch (gồm các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông)** thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của UBND tỉnh tại Điều 2 Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 và các văn bản chỉ đạo khác có liên quan của UBND và BCD các Chương trình MTQG tỉnh. Cụ thể:

a) Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án do ngành chủ trì; tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, gửi cơ quan thường trực tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh phân bổ cho các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan cấp tỉnh và các địa phương thực hiện; chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả, hiệu quả thực hiện các dự án, tiểu dự án và mức độ hoàn thành các chỉ tiêu trong Chương trình do ngành chủ trì, tham mưu, tổ chức thực hiện.

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan cấp tỉnh và các địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án do ngành chủ trì thực hiện theo kế hoạch này, đảm bảo triển khai thực hiện đầy đủ theo các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thực hiện thuộc Chương trình được phân công chủ trì.

c) Rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án, đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các Sở, ngành, địa phương.

d) Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, thực hiện rà soát các nội dung, nhiệm vụ thực hiện dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình, tham mưu cấp thẩm quyền xem xét, ban hành các văn bản pháp luật để tổ chức triển khai kịp thời, đúng quy định.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung các dự án, tiểu dự án được giao chủ trì theo quy định, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh.



e) Tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung các dự án, tiểu dự án được giao chủ trì thuộc trách nhiệm được giao, gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

f) Xây dựng và hướng dẫn cơ chế huy động nguồn lực để thực hiện các nội dung của các Sở, ngành.

h) Thường xuyên, định kỳ tổ chức các đoàn kiểm tra ở các địa phương được phân công; giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình theo lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công.

**5. Các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan của cấp tỉnh tham gia thực hiện Chương trình**

a) Thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của UBND tỉnh tại khoản 8, Điều 2, Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 và các văn bản chỉ đạo khác có liên quan của UBND và BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh.

b) Nghiên cứu, lồng ghép thực hiện Chương trình với các chương trình, dự án, đề án khác được giao bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo; tham mưu UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành các văn bản pháp luật thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 3311/KH-UBND ngày 03/6/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU của Tỉnh uỷ.

c) Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ tiếp tục tham mưu, đề xuất giải pháp cơ chế, chính sách hỗ trợ cải thiện tiêu chí thu nhập và dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều Chính phủ ban hành tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh theo chỉ đạo tại Kế hoạch số 3311/KH-UBND của UBND tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả thực hiện chương trình, dự án giảm nghèo do ngành chủ trì, thực hiện.

d) Trường Cao đẳng Quảng Nam, Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam, Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Nam: Xác định rõ lộ trình, thời gian triển khai và hoàn thành các dự án đầu tư thuộc Tiểu dự án 1, Tiểu dự án 3 của Dự án 4 được giao làm chủ đầu tư, tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công đối với các dự án đang triển khai để hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đúng thời gian được phê duyệt.

**6. Sở Thông tin - Truyền thông, Báo Quảng Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam, Cổng thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh thường xuyên theo dõi, đưa tin, bài về các hoạt động của Chương trình, giới thiệu các mô hình, cách làm hay, hiệu quả trong công tác giảm nghèo bền vững để các địa phương học tập, thực hiện.**

**7. Thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh**

a) Thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của UBND tỉnh tại khoản 9, Điều 2 Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 22/8/2022, Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 và các văn bản có liên quan.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hỗ trợ các địa phương (địa bàn) được phân công phụ trách để tổ chức thực hiện tốt Chương trình và các hoạt động giảm nghèo bền vững; chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả, hiệu quả thực hiện Chương trình, nhất là kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình và chỉ tiêu giảm nghèo hằng năm được UBND tỉnh giao; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất các giải pháp giảm nghèo gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, tham mưu.

#### **8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

a) Thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của UBND tỉnh tại khoản 10, Điều 2 Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 22/8/2022; xây dựng kế hoạch, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt các nội dung của Chương trình theo Kế hoạch này và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan liên quan của tỉnh để thực hiện đạt mục tiêu giảm nghèo được UBND tỉnh giao, đảm bảo phù hợp với nội dung Chương trình, thực trạng nghèo và điều kiện của địa phương.

b) Căn cứ mục tiêu, nội dung, tính chất, quy định thực hiện của các dự án, tiểu dự án trong Chương trình để lập kế hoạch giải ngân chi tiết năm 2025 (trong đó, xác định rõ lộ trình thời gian hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục; đấu thầu; thi công; nghiệm thu...; cơ quan chủ trì thực hiện) và yêu cầu các cơ quan, đơn vị cấp huyện, UBND cấp xã tuân thủ nghiêm kế hoạch giải ngân theo từng tuần, tháng, quý; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; phân công cụ thể lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện và định kỳ báo cáo giao ban hằng tuần để bám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn và chịu trách nhiệm về kết quả giải ngân của từng dự án, tiểu dự án của Chương trình, xem đây là căn cứ quan trọng khi đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao năm 2025 của tập thể, cá nhân và người đứng đầu.

c) Thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo, Ban quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia, đơn vị giúp việc Ban Chỉ đạo cấp huyện; thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo, Ban quản lý để chỉ đạo thực hiện Chương trình.

d) Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ và Nhân dân về mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung của Chương trình. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị cấp huyện và UBND cấp xã chủ động khảo sát, xây dựng kế hoạch, đề xuất nguồn vốn, tổ chức thực hiện từng dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình, đảm bảo đúng quy định, hiệu quả, giải ngân đạt tiến độ quy định.

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức rà soát, đánh giá, công nhận hộ nghèo, cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2025 đảm bảo chính xác, kịp thời, đúng quy định. Phấn đấu đạt chỉ tiêu giảm nghèo năm 2025 theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh.

e) Bố trí ngân sách địa phương đối ứng thực hiện không thấp hơn mức quy định tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; tăng cường huy động các nguồn lực để thực hiện Kế hoạch và các dự án tại địa phương, chú trọng các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao; phân công rõ trách nhiệm cho các phòng, ban, hội, đoàn thể trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo. Chỉ đạo UBND cấp xã bố trí cán bộ có năng lực để theo dõi, tham mưu thực hiện Chương trình.

f) Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành, hội đoàn thể của tỉnh trong triển khai thực hiện; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện Chương trình, chính sách giảm nghèo bền vững trên địa bàn theo quy định.

g) Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, thanh tra thực hiện Chương trình và các chính sách, quy định của pháp luật về giảm nghèo; tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Chương trình với UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành liên quan theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp trong việc tổ chức thực hiện Chương trình và các chính sách, hoạt động giảm nghèo bền vững; đồng thời tăng cường giám sát, phản biện xã hội, đề xuất các giải pháp, chính sách thiết thực nhằm góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.**

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh năm 2025, đề nghị các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ triển khai thực hiện. Quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, điện thoại 0235.3.820345) để được hướng dẫn, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Lao động-TBXH;
- Văn phòng Quốc gia giảm nghèo;
- Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh (theo QĐ 2010/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh);
- Các Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- Báo Quảng Nam, Đài PTTH Quảng Nam, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTN, KTTH, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Anh Tuấn**